

Số: 153/QĐ-ĐHCNĐN

Đồng Nai, ngày 09 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cảnh báo kết quả học tập học kỳ I, năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 16 tháng 6 năm 2011 về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-ĐHCNĐN của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ký ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-ĐHCNĐN của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ký ngày 23 tháng 8 năm 2023 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy của Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai;

Căn cứ Biên bản họp ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng xử lý học vụ trình độ đại học học kỳ I, năm học 2025-2026;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cảnh báo kết quả học tập học kỳ I, năm học 2025-2026 đối với 481 sinh viên bậc đại học hệ chính quy các khóa 11 đến khóa 21 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Đại học, Phòng Tài chính - Kế toán, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐT (để b/c);
- BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐH, P.CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Đoàn Mạnh Quỳnh

DANH SÁCH CẢNH BÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025-2026 - KHOA KINH TẾ
(Kèm theo Quyết định số 153/QĐ-ĐHCNĐN của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai ký ngày 09 tháng 3 năm 2026)

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Điểm TBHK	Khóa học	Ghi chú
1	121613057	Phạm Hoàng	Việt	16DKT2	Nam	2.70	K12	SV tạm ngưng
2	131700399	Phạm Thị Thùy	Linh	17DKT1	Nữ	1.93	K13	SV tạm ngưng
3	141800428	Hoàng Thị	Hào	16DTC1	Nam	2.85	K14	SV tạm ngưng
4	141800058	Lê Hoàng	Hiếu	17DTH3	Nam	2.22	K14	SV tạm ngưng
5	141800174	Âu Ngọc Thanh	Nhật	18ĐDD1	Nam	3.05	K14	SV tạm ngưng
6	141800449	Đoàn Thị Phương	Uyên	18DKT1	Nam	2.14	K14	SV tạm ngưng
7	141800965	Phạm Thị Thảo	My	18DKT1	Nữ	2.29	K14	SV tạm ngưng
8	141800883	Võ Thị Cẩm	Tiên	18DKT1	Nữ	2.13	K14	SV tạm ngưng
9	141801256	Nguyễn Thị Thảo	Vy	18DKT2	Nữ	1.83	K14	SV tạm ngưng
10	141802132	Trần Anh Tuấn	Kiệt	18DKT2	Nữ	1.83	K14	SV tạm ngưng
11	141802072	Nguyễn Mai	Phương	18DKT2	Nữ	2.17	K14	SV tạm ngưng
12	151900978	Phan Thị Mỹ	Duyên	16DH01	Nam	2.93	K15	SV tạm ngưng
13	151901357	Hoàng Thị	Liên	16DKT2	Nam	3.26	K15	SV tạm ngưng
14	151900774	Nguyễn Đoàn Quang	Huy	18DTH4	Nam	2.28	K15	SV tạm ngưng
15	151900016	Trần Thị	Nhi	18DTH4	Nam	2.43	K15	SV tạm ngưng
16	151901721	Hoàng Gia	Phúc	18DTH4	Nam	2.83	K15	SV tạm ngưng
17	151901785	Vương Thục	Bình	19DKT2	Nữ	0	K15	Điểm TBHK<1
18	162001065	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	20DKT1	Nữ	0	K16	Điểm TBHK<1
19	162000346	Bùi Thị Mỹ	Lệ	20DKT1	Nữ	2.46	K16	SV tạm ngưng
20	162000912	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20DKT1	Nữ	2.53	K16	SV tạm ngưng
21	162001352	Nguyễn Thiên	Ân	20DKT2	Nam	2.76	K16	SV tạm ngưng
22	162001259	Phạm Ngọc Như	Ý	20DKT2	Nữ	2.69	K16	SV tạm ngưng
23	172100291	Vũ Thiên	Ý	21DKT1	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
24	1721030964	Đặng Tiến	Đạt	21DKT2	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
25	1721031652	Trần Thu	Hiền	21DKT3	Nữ	0	K17	Điểm TBHK<1

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Điểm TBHK	Khóa học	Ghi chú
26	1822040865	Trần Phương	Thảo	22DKT2	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
27	1822041018	Nguyễn Thanh	Nga	22DKT2	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
28	1822041433	Trần Ngọc Yến	Nhi	22DKT3	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
29	1923050571	Huỳnh Ngọc Trúc	Vân	23DKT1	Nữ	0	K19	Điểm TBHK<1
30	1923030326	Lê Thanh	Long	23DKT1	Nam	0	K19	Điểm TBHK<1
31	1923050641	Cao Thị Thuý	Trang	23DKT1	Nữ	0	K19	Điểm TBHK<1
32	1923051027	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	23DKT2	Nữ	0	K19	Điểm TBHK<1
33	1923051175	Lê Uyên	Nhi	23DKT2	Nữ	0	K19	Điểm TBHK<1
34	1923050805	Nguyễn Thụy Xuân	Tâm	23DKT2	Nữ	0	K19	Điểm TBHK<1
35	2024060361	Nguyễn Hồ Quỳnh	Nga	24DKT1	Nữ	0	K20	Điểm TBHK<1
36	2024060705	Trần Thị Kim	Huệ	24DKT1	Nữ	0	K20	Điểm TBHK<1
37	2024060895	Nguyễn Đình	Mạnh	24DKT1	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
38	2024061103	Nguyễn Ngọc Phương	Thùy	24DKT1	Nữ	0	K20	Điểm TBHK<1
39	25710799	Trần Thành	Đạt	25DKT	Nam	0	K21	Điểm TBHK<1
40	25710507	Nguyễn Trần Minh	Nguyệt	25DKT	Nữ	3	K21	SV tạm ngưng
41	25711087	Lê Diễm Gia	Uyên	25DKT	Nữ	0	K21	Điểm TBHK<1
42	25710101	Lê Hữu	Hiếu	25DLG	Nam	3.5	K21	SV tạm ngưng
43	25710785	Trần Hoàng	Phúc	25DLG	Nam	3.5	K21	SV tạm ngưng
44	25711042	Đặng Thanh	Trâm	25DLG	Nữ	4	K21	SV tạm ngưng
45	151900221	Huỳnh Thị Phương	Hiền	16DTC1	Nam	3.15	K15	SV tạm ngưng
46	151900490	Thân Thị Ngọc	Linh	17DKT1	Nữ	2.00	K15	SV tạm ngưng
47	151900816	Nguyễn Lê Hiếu	Trung	17DKT2	Nữ	2.68	K15	SV tạm ngưng
48	162000936	Đặng Nguyễn Anh	Thư	20DLH1	Nữ	0	K16	Điểm TBHK<1
49	162001737	Nguyễn Phi Nguyên	Vũ	20DLH1	Nam	2.17	K16	SV tạm ngưng
50	1721030770	Nguyễn Nhất	Linh	21DLH1	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
51	1721030554	Lưu Kim	Quý	21DLH1	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
52	1721030551	Nguyễn Thành	Trọng	21DLH1	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
53	1721031461	Ngô Bảo	Diễm	21DLH1	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
54	1721030834	Nguyễn Trần Yến	Linh	21DLH1	Nữ	0	K17	Điểm TBHK<1
55	1721031072	Lê Hoàng	Tuấn	21DLH1	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Điểm TBHK	Khóa học	Ghi chú
56	1822031480	Trần Thị Liên	Hương	22DLH1	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
57	1822040412	Lê Nguyễn Hải	Long	22DLH1	Nam	0	K18	Điểm TBHK<1
58	1923050243	Trần Duy	Cảnh	23DLH1	Nam	0	K19	Điểm TBHK<1
59	1923040341	Nguyễn Hữu	Tiến	23DLH1	Nam	0	K19	Điểm TBHK<1
60	2024060270	Nguyễn Ngọc	Hiền	24DLH1	Nữ	0	K20	Điểm TBHK<1
61	2024060389	Hoàng	Tuấn	24DLH1	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
62	25710638	Đặng Phương	Nhi	25DLH	Nữ	3	K21	SV tạm ngưng
63	25712020	Nguyễn Thị Phương	Trình	25DLH	Nữ	2.5	K21	SV tạm ngưng
64	141800102	Trần Thị Quỳnh	Mai	18DKT3	Nam	2.13	K14	SV tạm ngưng
65	141801197	Trần Ngọc	Quân	18DKT3	Nữ	2.09	K14	SV tạm ngưng
66	151900835	Phạm Văn	Mạnh	19DNH1	Nam	0	K15	Điểm TBHK<1
67	162000822	Trần Tuệ	Hân	20DKS1	Nữ	0	K16	Điểm TBHK<1
68	162000790	Nguyễn Vũ Uyên	Vy	20DKS1	Nữ	0	K16	Điểm TBHK<1
69	162001151	Nguyễn Lê Anh	Thư	20DKS2	Nữ	0	K16	Điểm TBHK<1
70	162001164	Nguyễn Hà Tường	Vy	20DKS2	Nữ	0	K16	Điểm TBHK<1
71	1721031207	Hà Thị	Giang	21DKS1	Nữ	0	K17	Điểm TBHK<1
72	1721030753	Hoàng Thị Hải	Yến	21DKS1	Nữ	0	K17	Điểm TBHK<1
73	172100312	Vũ Khắc	Bảo	21DKS1	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
74	1721031510	Trần Văn Thế	Huỳnh	21DKS1	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
75	1822031373	Nguyễn Thảo	Vy	22DKS1	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
76	1822041019	Trần Thị Thảo	Vy	22DKS1	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
77	1822040192	Mai Đào Xuân	Vy	22DKS1	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
78	1923050637	Phạm Đức	Phước	23DKS1	Nam	0	K19	Điểm TBHK<1
79	1923050127	Ngô Nhất	Thống	23DKS1	Nam	1	K19	SV tạm ngưng
80	2024060605	Nguyễn Trung	Kiên	24DKS1	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
81	2024060442	Phạm Bảo	Thành	24DKS1	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
82	25710430	Võ Phương	Vy	25DKS	Nữ	0	K21	Điểm TBHK<1
83	25710815	Vũ Ngọc Gia	Long	25DKS	Nam	3.5	K21	SV tạm ngưng
84	141800915	Đoàn Thị	Hiền	18DMT1	Nam	2.41	K14	SV tạm ngưng
85	141801885	Trần Tuấn	Minh	18DNH2	Nữ	2.66	K14	SV tạm ngưng

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Điểm TBHK	Khóa học	Ghi chú
86	141800447	Trần Thị Anh	Thư	18DQT2	Nữ	0	K14	Điểm TBHK<1
87	141800850	Nguyễn Đăng	Long	18DQT3	Nam	0	K14	Điểm TBHK<1
88	151900388	Huỳnh Phương	Phi	18DĐD1	Nam	2.71	K15	SV tạm ngưng
89	151900573	Nguyễn Hữu	Tuấn	18DKT1	Nữ	2.78	K15	SV tạm ngưng
90	151900956	Trần Yến	Thy	18DKT1	Nam	2.58	K15	SV tạm ngưng
91	151900804	Nguyễn Lệ	Uyên	19DQT3	Nữ	0	K15	Điểm TBHK<1
92	151901077	Đông Nguyễn Bảo	Long	19DQT4	Nam	0	K15	Điểm TBHK<1
93	151901209	Trịnh Doãn	Đệ	19DQT5	Nam	0	K15	Điểm TBHK<1
94	151901278	Nguyễn Khánh	Hội	19DQT5	Nữ	0	K15	Điểm TBHK<1
95	162000157	Huỳnh Khánh	Duy	20DQT1	Nam	0	K16	Điểm TBHK<1
96	162000313	Bùi Đức	Hiếu	20DQT2	Nam	2.68	K16	SV tạm ngưng
97	162001041	Trần Bảo	Duy	20DQT4	Nam	0	K16	Điểm TBHK<1
98	162001003	Trần Thị	Hạnh	20DQT4	Nữ	2.96	K16	SV tạm ngưng
99	162001333	Trần Đăng Tuấn	Anh	20DQT6	Nam	1.83	K16	SV tạm ngưng
100	1721021136	Nguyễn Hoàng	Long	21DQT2	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
101	1721030541	Đặng Thùy	Linh	21DQT3	Nữ	0	K17	Điểm TBHK<1
102	1721030775	Nguyễn Gia	Huy	21DQT4	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
103	1721030711	Hoàng Trung	Kiên	21DQT4	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
104	1721030724	Lê Minh	Tuấn	21DQT4	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
105	1721031000	Vũ Mạnh	Cường	21DQT5	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
106	1721030854	Nguyễn Minh	Tâm	21DQT5	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
107	1721031058	Lê Thành	Đạt	21DQT5	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
108	1721031288	Nguyễn Kim	Ngân	21DQT6	Nữ	0	K17	Điểm TBHK<1
109	1721031176	Phạm Lam	Son	21DQT6	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
110	1721031363	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	21DQT7	Nữ	0	K17	Điểm TBHK<1
111	1721031463	Nguyễn Văn	Lưu	21DQT7	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
112	1721031437	Đoàn Vũ Phương	Nga	21DQT7	Nữ	0	K17	Điểm TBHK<1
113	1721021180	Nguyễn Hiệp	Đức	21DQT8	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
114	1822030119	Nguyễn Đức	Tài	22DQT1	Nam	0	K18	Điểm TBHK<1
115	1822030266	Trần Ngọc Phương	Ánh	22DQT1	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Điểm TBHK	Khóa học	Ghi chú
116	1822040497	Dương Thị Thanh	An	22DQT2	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
117	1822040359	Trần Thị Tuyết	Nhung	22DQT2	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
118	1822041341	Phạm Thị Ngọc	Trâm	22DQT5	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
119	1822040410	Nguyễn Phúc	Huy	22DQT6	Nam	0	K18	Điểm TBHK<1
120	1822031695	Nguyễn Phan Hoàng	Phúc	22DQT6	Nam	0	K18	Điểm TBHK<1
121	1822041900	Nguyễn Thị Hồng	Mai	22DQT7	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
122	1822040316	Phan Trần Trà	My	22DQT7	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
123	1822021822	Đinh Ngọc	Thiên	22DQT7	Nam	0	K18	Điểm TBHK<1
124	1923050391	Dương Quang	Hùng	23DQT2	Nam	0	K19	Điểm TBHK<1
125	1923040433	Mai Gia	Hung	23DQT2	Nam	0	K19	Điểm TBHK<1
126	1923050674	Đổng Thị Thanh	Lợi	23DQT2	Nữ	0	K19	Điểm TBHK<1
127	1923050725	Nguyễn Hoàng	Linh	23DQT3	Nam	0	K19	Điểm TBHK<1
128	1923051153	Nguyễn Anh	Hào	23DQT4	Nam	0	K19	Điểm TBHK<1
129	1923051152	Phùng Thị Ngọc	Mai	23DQT4	Nữ	0	K19	Điểm TBHK<1
130	1923051273	Nguyễn Đặng Mai	Thi	23DQT4	Nữ	0	K19	Điểm TBHK<1
131	2024060147	Nguyễn	Khải	24DQT1	Nam	2.43	K20	SV tạm ngưng
132	2024060589	Ninh Đức	Tiến	24DQT1	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
133	2024060243	Nguyễn Mai Thúy	Vy	24DQT1	Nữ	0	K20	Điểm TBHK<1
134	2024050793	An Vũ Gia	Bảo	24DQT2	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
135	2024060738	Đỗ Ngọc	Hà	24DQT2	Nữ	0	K20	Điểm TBHK<1
136	2024060787	Nguyễn Hồng Long	Phụng	24DQT2	Nữ	0	K20	Điểm TBHK<1
137	2024060953	Lê Nhật	Quang	24DQT2	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
138	2024050847	Trần Tuấn	Anh	24DQT3	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
139	2024060848	Lê Gia	Bảo	24DQT3	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
140	2024040882	Nguyễn Hữu	Phúc	24DQT3	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
141	2024050844	Trần Phạm Đức	Tài	24DQT3	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
142	2024870936	Bùi Thanh	Tuấn	24DQT3	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
143	25710787	Nguyễn Quỳnh	Anh	25DQT	Nữ	3.5	K21	SV tạm ngưng
144	25710173	Huỳnh Hữu	Khánh	25DQT	Nam	0	K21	Điểm TBHK<1
145	25712028	Nguyễn Quốc	Khánh	25DQT	Nam	0	K21	Điểm TBHK<1

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp	Giới tính	Điểm TBHK	Khóa học	Ghi chú
146	121612158	Đỗ Hoài	Thương	15DTH1	Nam	0	K12	Điểm TBHK<1
147	141801934	Nguyễn Thị Linh	Chi	18DTC1	Nữ	0	K14	Điểm TBHK<1
148	141800857	Đào Thị Nhật	Vy	18DTC1	Nữ	0	K14	Điểm TBHK<1
149	151900853	Trương Lê Minh	Hiền	18DKT2	Nữ	0	K15	Điểm TBHK<1
150	151901176	Trần Thị Xuân	Mai	19DTC1	Nữ	0	K15	Điểm TBHK<1
151	162000696	Lê Ngọc	Hà	20DTC1	Nữ	0	K16	Điểm TBHK<1
152	162000820	Đỗ Gia	Kỳ	20DTC1	Nam	0	K16	Điểm TBHK<1
153	162000554	Lê Sỹ	Việt	20DTC1	Nam	0	K16	Điểm TBHK<1
154	1721030463	Nguyễn Sỹ	Ngọc	21DTC1	Nam	0	K17	Điểm TBHK<1
155	1721031756	Dương Minh	Hằng	21DTC2	Nữ	0	K17	Điểm TBHK<1
156	1721021317	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	21DTC2	Nữ	0	K17	Điểm TBHK<1
157	1822041312	Nguyễn Đức	Anh	22DTC2	Nam	0	K18	Điểm TBHK<1
158	1822031451	Nguyễn Đức	Long	22DTC2	Nam	0	K18	Điểm TBHK<1
159	1822011453	Phan Yên	Nhi	22DTC2	Nữ	0	K18	Điểm TBHK<1
160	1923050279	Trịnh Lê Ngọc	Trân	23DTC1	Nữ	0	K19	Điểm TBHK<1
161	1923050621	Lê Quang	Trọng	23DTC1	Nam	0	K19	Điểm TBHK<1
162	2024060823	Vũ Phan Như	Quỳnh	24DTC1	Nữ	0	K20	Điểm TBHK<1
163	2024060511	Trần Thị Khánh	Linh	24DTC1	Nữ	0	K20	Điểm TBHK<1
164	2024060647	Nguyễn Thị Ý	Như	24DTC1	Nữ	0	K20	Điểm TBHK<1
165	2024061096	Vũ Tú	Tài	24DTC1	Nam	0	K20	Điểm TBHK<1
166	25710946	Trần Lê	Nhật	25DTC	Nam	0	K21	Điểm TBHK<1
167	25712007	Đặng Vinh	Quang	25DTC	Nam	0	K21	Điểm TBHK<1

(Danh sách gồm 167 sinh viên.)